

Bản án số: 34/2020/HSST
Ngày 28 tháng 7 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Đỗ Hồng Phúc.

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông K Bách Chiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2020/HSST ngày 06 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2020/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn Q, sinh ngày 18/02/1986; sinh trú quán: Thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Tiến L và bà Trần Thị V; có vợ là Lê Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/01/2020 đến ngày 04/02/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

2/ Đỗ Văn T, sinh ngày 11/9/1985; sinh trú quán: Thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Văn X và bà Nguyễn Thị X; có vợ là Đoàn Thị X1 và có 04 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/01/2020 đến ngày 04/02/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

3/ Đỗ Văn L, sinh ngày 20/01/1987; sinh trú quán: Thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Kiều Thị Thu H và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/01/2020 đến ngày 04/02/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

4/ Đỗ Văn Đ, sinh ngày 12/10/1997; sinh trú quán: Thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị L; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/01/2020 đến ngày 04/02/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

5/ Nguyễn Đức M, sinh ngày 12/7/1997; sinh trú quán: Thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị H; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/01/2020 đến ngày 04/02/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

6/ Nguyễn Văn Q1, sinh năm 23/01/1993; sinh trú quán: Thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T và con bà Đỗ Thị H; có vợ là Trần Thị T và có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/01/2020 đến ngày 04/02/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

7/ Đỗ Đức A, sinh ngày 20/10/1988; sinh trú quán: Thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Văn Đ và con bà Đỗ Thị B; có vợ là Phạm Thị Hữu P và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/01/2020 đến ngày 04/02/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

8/ Trần Văn C, sinh ngày 20/01/1990; sinh trú quán: Thôn Y, xã P,

huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T và con bà Đỗ Thị D; có vợ là Mùi Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/01/2020 đến ngày 04/02/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

9/ Trần Văn T1, sinh ngày 04/4/1986; sinh trú quán: Thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Nguyễn Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/01/2020 đến ngày 04/02/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

10/ Trần Viết G, sinh ngày 15/12/1985; sinh trú quán: Thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Đức Q và bà Trần Thị T; có vợ là Trần Thị Thanh T và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/01/2020 đến ngày 04/02/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

11/ Phan Châu N, sinh ngày 10/10/1986; sinh trú quán: Thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn K và bà Nguyễn Thị C; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/01/2020 đến ngày 04/02/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Văn K, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 30/01/2020, Nguyễn Văn Q đang trông quán nước của gia đình tại thôn Y, xã P thì có Đỗ Văn T, Đỗ Văn L và Đỗ Văn Đ là người cùng thôn với Q lần lượt đến ngồi vào vị trí bàn uống nước bên phải gần

cửa ra vào quán nước của gia đình nhà Q. Thấy vậy, Q cũng đến ngồi uống nước cùng với mọi người tại bàn uống nước này. Tại phiên tòa Q, L, T và Đ đều khai nhận. Khi Q, L, T và Đ cùng ngồi uống nước thì L phát hiện, trên bàn mọi người đang ngồi uống nước tại quán nhà Q có 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã để sẵn. L liền cầm bộ bài đó lên và tráo. Khi cả nhóm nhìn thấy L tráo bài tú lơ khơ thì cả nhóm đều hiểu ý là đánh bạc nên cùng nhau thống nhất đánh bạc bằng hình thức chơi liêng ăn tiền. Sau khi thống nhất xong, L cầm bài chia cho từng người gồm Q, L, T và Đ để cả nhóm cùng nhau đánh bạc. Đánh được 01 ván thì Nguyễn Đức M là người ở cùng thôn với Q, L, T và Đ đến xin đánh bạc cùng nên cả nhóm đồng ý. Các đối tượng tham gia đánh bạc được khoảng từ 02 đến 03 ván thì Q bị thua mất 60.000 đồng nên Q dừng lại không đánh bạc nữa và bỏ sang nhà bố mẹ để ở cạnh quán nước nhà Q để ăn cơm trưa. Lúc này chỉ còn có L, T, Đ và M đánh bạc với nhau. L, T, Đ và M đánh bạc được khoảng 10 phút thì có Nguyễn Văn Q1 là người ở cùng thôn với L, T, Đ và M đến xin tham gia đánh bạc cùng. Cả bốn đồng ý nên L, T, Đ, M và Q1 đánh bạc đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày thì có Đỗ Đức A, Trần Văn C, Trần Văn T1, Phan Châu N và Trần Viết G là những người ở thôn Y lần lượt đến quán nhà Q chơi và đi vào khu vực sàn gỗ ngồi uống nước. Thấy vậy, M nói với Đ “*Nghỉ sang chơi sâm đi Đ ơi*” rồi tiếp tục đến vị trí N, G đang ngồi để rủ chơi sâm. Sau khi nghe M rủ chơi sâm thì Đ, N và G đồng ý nên N, G, M và Đ đến vị trí chiếc bàn chân bằng kim loại phía trong quán nước nhà Q để chơi bạc bằng hình thức chơi sâm ăn tiền. M lấy bộ bài trên tủ kính trong quán nước nhà Q đã có sẵn trộn lên rồi chia cho cả nhóm cùng nhau tham gia đánh bạc, Đ là người bắt được quân bài cái nên Đ là người được chia bài và đánh quân bài đầu tiên. Cùng lúc này có Đỗ Đức A, Trần Văn T1 và Trần Văn C đến vị trí L, T và Q1 đang chơi liêng và xin tham gia chơi cùng thì L, T và Q1 đồng ý. Các đối tượng tham gia chơi bạc bằng hình thức chơi liêng đến khoảng 12 giờ 35 phút cùng ngày thì Q ăn cơm xong quay lại quán nước. Khi Q quay lại quán nước thì thấy L, T, Q1, Đức A, C và T1 đang đánh liêng tại bàn uống nước gần cửa ra vào, còn bên trong thì có M, Đ, N và G đang đánh sâm nên Q nói với mọi người là “*Thôi chúng mày về đi đừng chơi nữa*” nhưng không ai đồng ý ngược lại vẫn còn tiếp tục chơi. Khoảng 05 phút sau trong khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Công an huyện Yên Lạc phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng liên quan:

Cụ thể: Thu tại bàn đánh liêng 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 350.000 đồng để trên mặt bàn; thu trên người các đối tượng Trần Văn T1 1.910.000 đồng, Trần Văn C 4.090.000 đồng, Đỗ Văn L 1.800.000 đồng, Đỗ Đức A 6.300.000 đồng, Đỗ Văn T 7.120.000 đồng, Nguyễn Văn Q1 1.290.000 đồng và Nguyễn Văn Q 350.000 đồng. Tổng số tiền thu tại chiếu bạc là 23.210.000 đồng (Hai mươi ba triệu, hai trăm mười nghìn đồng).

Thu tại bàn đánh sâm 01 bộ bài lú lơ khơ 52 quân, 01 bộ bàn khung chân bằng kim loại, 04 chiếc ghế nhựa màu xanh, 01 tờ giấy A4 ghi các ký tự chữ và số, 02 tờ giấy A4 màu trắng và 01 bút bi; thu giữ trên người các đối tượng Phan Châu N 11.605.000 đồng, Trần Viết G 14.610.000 đồng; thu tại mặt bàn nơi vị trí Nguyễn Đức M đang ngồi 7.300.000 đồng và thu tại vị trí Đỗ Văn Đ đang ngồi 1.200.000 đồng. Tổng số tiền thu tại chiếu bạc là 24.715.000 đồng (Hai mươi tư triệu, bảy trăm mười lăm nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng đều khai nhận:

+ Tại bàn đánh bạc bằng hình thức chơi liêng: Các đối tượng đánh bạc thống nhất, trước mỗi ván chơi, người chơi phải bỏ ra 20.000 đồng để ở giữa chiếu bạc gọi là tiền “gà” hay tiền “sàn”, người chia bài ván đầu tiên sẽ tráo 52 quân bài từ quân A đến K rồi chia cho mỗi người tham gia chơi 03 quân. Người chia bài là chủ bàn khi chơi ván đầu tiên còn những ván tiếp theo người nào thắng sẽ được chia bài, lượt chơi sẽ thực hiện ngược chiều kim đồng hồ. Sau đó từng người chơi sẽ tự kiểm tra điểm 03 quân bài của mình và có 03 lựa chọn. Nếu “úp” bài thì sẽ bị mất 20.000 đồng đặt cược ban đầu và ván bài kết thúc (người chơi sẽ không được tham gia ván bài đó nữa và tiếp tục chơi ở ván sau), nếu “theo” là đặt thêm tiền cược vào số tiền “gà” bằng với số tiền người ngồi phía bên tay trái đặt cược và nếu “tố” là đặt thêm tiền cược cao hơn số tiền người ngồi bên tay trái đã đặt cược. Các đối tượng tham gia chơi bạc thống nhất “tố” cao nhất không vượt quá 60.000 đồng, không được “tố” quá 03 lần trong 01 ván chơi. Khi có nhiều người cùng “theo” thì những người theo sẽ mở bài và tính điểm với nhau từ cao đến thấp theo thứ tự lần lượt: sấp, liêng, ảnh, điểm. Trong đó sấp là 03 quân bài trong cùng bộ tứ, trong ván bài cùng có sấp thì ai sấp cao hơn sẽ thắng (tính từ cao xuống thấp là A, K, Q, J, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2). Liêng là 03 quân bài liên tiếp nhau, liêng cao nhất là Q, K, A, liêng thấp nhất là A, 2, 3, trong ván bài cùng có liêng thì ai liêng cao hơn thì thắng, nếu hai liêng bằng nhau thì sẽ so sánh đến chất cao nhất, liêng chất cao nhất là rô rồi đến cơ, tép và bích. Ảnh là 03 quân bài bất kỳ J, Q, K, khi có hai hay nhiều ảnh bằng nhau thì so sánh đến chất cao nhất và cuối cùng là tính tổng điểm trong đó cao nhất là 09, thấp nhất là 0, quân A tính là 01 điểm, các quân 10, J, Q, K tính là 0 điểm. Nếu có hai hay nhiều người có điểm bằng nhau thì so sánh đến chất cao nhất còn nếu cùng chất thì so sánh đến quân bài, ai có quân bài cao hơn thì thắng.

+ Tại bàn đánh bạc bằng hình thức chơi sâm: Các đối tượng đánh bạc thống nhất, người chơi sử dụng bộ bài tứ lơ khơ 52 quân chia cho mỗi người 10 quân bài, số quân bài còn lại để dưới chiếu. Người nào được cái thì được đánh đầu tiên, sau đó lần lượt những người ngồi bên tay phải đánh chèn quân bài hoặc bộ cao hơn nếu không có thì bỏ lượt. Ván bài kết thúc khi có người đánh hết số

quân bài được chia đầu tiên và đó là người thắng, những người còn lại phải trả cho người về nhất 10.000 đồng/01 lá bài, nếu ai không đánh được quân bài nào tức là bị treo sẽ bị mất 150.000 đồng cho người về nhất, ai sâm thì sẽ được 200.000 đồng của những người chơi, nếu người hô sâm mà bị bắt thì phải đền sâm (trả tiền thay cho những người chơi khác). Nếu ai đánh quân 02 mà bị bắt tứ quý thì phải trả cho người bắt được 200.000 đồng. Các đối tượng thống nhất ghi điểm ra 01 tờ giấy và cứ 05 ván bài thì thanh toán 01 lần.

Khi đánh bạc N, G để tiền trên người chỉ đến khi thanh toán mới lấy ra, còn M, Đ để tiền trên mặt bàn trước vị trí mình đang ngồi.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Lạc xác định: Trước khi tham gia đánh bạc, Nguyễn Văn Q có 410.000 đồng, Đỗ Văn L có khoảng 1.350.000 đồng, Đỗ Văn T có khoảng 6.700.000 đồng, Đỗ Văn Đ có khoảng 3.000.000 đồng, Nguyễn Đức M có khoảng 5.200.000 đồng, Nguyễn Văn Q1 có khoảng 1.650.000 đồng, Trần Văn T1 có khoảng 2.000.000 đồng, Đỗ Đức A có khoảng 6.000.000 đồng, Trần Văn C có khoảng 3.000.000 đồng và Trần Viết G có 14.500.000 đồng.

Các đối tượng tham gia đánh bạc đều khai nhận, toàn bộ số tiền các đối tượng mang theo bị Cơ quan điều tra thu giữ ở trên, các đối tượng đã và sẽ sử dụng vào mục đích đánh bạc. Riêng Phan Châu N, khi tham gia đánh bạc, Cơ quan điều tra đã làm rõ. N mang theo khoảng 13.600.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng là tiền của ông Phan Văn K là bố đẻ của N đưa cho N để mang đi trả nợ cho bà Nguyễn Thị Vận ở cùng thôn với N, số tiền này N để riêng không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Số tiền thực tế N tham gia đánh bạc vào khoảng 3.600.000 đồng.

Trong lúc đánh bạc không có ai cầm cố tài sản để lấy tiền đánh bạc và không có ai cảnh giới, bảo vệ hay bỏ về trước hoặc ai bị thu bất kỳ khoản tiền “phí”, tiền “hồ” nào.

Vật chứng của vụ án:

+ Tại bàn đánh liêng gồm có: 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân và 350.000 đồng thu trên mặt bàn; thu trên người các đối tượng Trần Văn T1 1.910.000 đồng, Trần Văn C 4.090.000 đồng, Đỗ Văn L 1.800.000 đồng, Đỗ Đức A 6.300.000 đồng, Đỗ Văn T 7.120.000 đồng, Nguyễn Văn Q1 1.290.000 đồng và Nguyễn Văn Q 350.000 đồng.

+ Tại bàn đánh sâm gồm có: 01 bộ bài lú lơ khơ 52 quân, 01 bộ bàn khung chân bằng kim loại, 04 chiếc ghế nhựa màu xanh, 01 tờ giấy A4 ghi các ký tự chữ và số, 02 tờ giấy A4 màu trắng, 01 bút bi; thu trên người các đối tượng Phan Châu N 11.605.000 đồng, Trần Viết G 14.610.000 đồng; thu tại mặt bàn nơi vị

trí các đối tượng đang ngồi gồm Nguyễn Đức M 7.300.000 đồng, Đỗ Văn Đ 1.200.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Đỗ Văn L khai nhận. Khi L, Q, T và Đ ngồi uống nước tại bàn bê tông tại khu vực cửa ra vào quán nước nhà Q thì L phát hiện thấy 01 bộ bài tú lơ khơ để sẵn ở trên mặt bàn nên L cầm bộ bài lên trộn. Thấy vậy, Q, T và Đ hiểu ý là đánh bạc nên cùng nhau thống nhất đánh bạc bằng hình thức chơi liêng ăn tiền. Còn Q, T và Đ khai nhận khi L, Q, T và Đ ngồi uống nước tại bàn bê tông tại khu vực cửa ra vào quán nước nhà Q thì L cầm bộ bài trộn, thấy vậy cả nhóm cùng nhau thống nhất chơi liêng ăn tiền.

Tại phiên tòa L, Q, T và Đ cùng khai nhận. Khi L, Q, T và Đ ngồi uống nước tại bàn bê tông tại khu vực cửa ra vào quán nước nhà Q thì L phát hiện thấy 01 bộ bài tú lơ khơ để sẵn ở trên mặt bàn nên L cầm bộ bài lên trộn. Thấy vậy, Q, T và Đ đều hiểu ý là L rủ mọi người đánh bạc nên tất cả đều đồng ý và cùng nhau thống nhất đánh bạc bằng hình thức chơi liêng ăn tiền. Tại phiên tòa Q, T và Đ đều xác định, lời khai tại Cơ quan điều tra của Q, T và Đ về tình tiết người khởi xướng rủ rê trong vụ án này tại bàn chơi liêng là chưa chính xác với diễn biến thực tế của vụ án mà lời khai của Q, T và Đ tại phiên tòa hôm mới là lời khai đúng sự thật. Nguyên nhân về việc khai trên là do các bị cáo thiếu hiểu biết về kiến thức pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức M, Nguyễn Văn Q1, Trần Văn T1, Đỗ Đức A, Trần Viết G, Phan Châu N và Trần Văn C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của những người làm chứng đã khai tại Cơ quan điều tra.

Tại Bản cáo trạng số: 25/CT – VKS ngày 04/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn L, Đỗ Văn T, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Đức M, Nguyễn Văn Q1, Trần Văn T1, Đỗ Đức A, Trần Văn C, Trần Viết G và Phan Châu N về tội: “*Đánh bạc*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc thực hành quyền công tố, tại phiên tòa đã phân tích lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để xác định các bị cáo Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn L, Đỗ Văn T, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Đức M, Nguyễn Văn Q1, Trần Văn T1, Đỗ Đức A, Trần Văn C, Trần Viết G và Phan Châu N phạm tội “*Đánh bạc*”.

Riêng hành vi cầm bài lên trộn của Đỗ Văn L để các đối tượng Q, T và Đ hiểu ý tham gia đánh bạc bị coi là hành động khởi xướng rủ rê bằng cách ra ám hiệu. Vì vậy L là người giữ vai trò đầu vụ và phải chịu trách nhiệm hình sự cao

nhất trong vụ án này.

Căn cứ khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Đỗ Văn L từ 16 tháng đến 17 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 08 tháng đến 02 năm 10 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Đức M và Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo từ 14 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 04 tháng đến 02 năm 06 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Viết G từ 12 tháng đến 13 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 02 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt các bị cáo Đỗ Văn T và Đỗ Đức A mỗi bị cáo từ 10 tháng đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 tháng đến 22 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phan Châu N từ 08 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo đang cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt các bị cáo Đỗ Văn Đ và Trần Văn C mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ, các bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/01/2020 đến ngày 04/02/2020.

Xử phạt các bị cáo Trần Văn T1 và Nguyễn Văn Q1 mỗi bị cáo từ 07 tháng đến 08 tháng cải tạo không giam giữ, các bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/01/2020 đến ngày 04/02/2020.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Đỗ Văn Đ, Trần Văn C, Trần Văn T1 và Nguyễn Văn Q1 được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Đỗ Văn Đ, Trần Văn C, Trần Văn T1 và Nguyễn Văn Q1

cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo đang cư trú giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Đỗ Văn Đ, Trần Văn C, Trần Văn T1 và Nguyễn Văn Q1.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 điều 321 của Bộ luật hình sự phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn L, Đỗ Văn T, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Đức M, Nguyễn Văn Q1, Trần Văn T1, Đỗ Đức A, Trần Văn C, Trần Viết G và Phan Châu N mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất quan điểm về xử lý vật chứng liên quan đến vụ án và án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Đức M, Nguyễn Văn Q, Trần Viết G, Đỗ Văn T, Đỗ Đức A, Đỗ Văn Đ, Phan Châu N, Trần Văn C, Nguyễn Văn Q1 và Trần Văn T1 không ai có ý kiến bổ sung gì khác và không ai có ý kiến gì tham gia tranh luận.

Nói lời nói sau cùng: Các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Đức M, Nguyễn Văn Q, Trần Viết G, Đỗ Văn T, Đỗ Đức A, Đỗ Văn Đ, Phan Châu N, Trần Văn C, Nguyễn Văn Q1 và Trần Văn T1 đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Riêng các bị cáo Đỗ Văn Đ, Trần Văn C, Nguyễn Văn Q1 và Trần Văn T1 không có ý kiến đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng hành tố tụng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc và Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra và truy tố chưa làm rõ hành vi khởi sừng rử rê của bị cáo Đỗ Văn L để xác định vai trò người đầu vụ trong vụ án này là bị cáo L. Tuy nhiên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã đấu tranh làm rõ được hành vi khởi sừng rử rê của bị cáo Đỗ Văn L thông qua hành động ra ám hiệu rử rê các đối tượng tham gia đánh bạc nên không ảnh hưởng gì đến việc giải quyết vụ án. Ngoài ra, quá trình điều tra và truy tố ở vụ án này đối với các bị cáo khác Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ đúng theo trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng

của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đúng quy định của pháp luật nên không có kiến nghị gì.

[2]. Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy rằng: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố mà không có lời tự bào chữa nào khác. Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng; phù hợp với các vật chứng đã thu được tại hiện trường và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 30/01/2020, tại quán nước nhà Nguyễn Văn Q ở thôn Y, xã P, huyện Y. Các đối tượng gồm Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn L, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn Q1, Trần Văn T1, Đỗ Đức A và Trần Văn C đã và đang sử dụng số tiền 23.210.000 đồng vào mục đích đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng” ăn tiền, còn Nguyễn Đức M, Đỗ Văn Đ, Trần Viết G và Phan Châu N đang sử dụng số tiền 24.715.000 đồng vào mục đích đánh bạc bằng hình thức đánh sâm ăn tiền thì bị tổ Công tác của Công an huyện Yên Lạc phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Với hành vi trên đã có đủ cơ sở để khẳng định các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Đức M, Nguyễn Văn Q, Trần Viết G, Đỗ Văn T, Đỗ Đức A, Đỗ Văn Đ, Phan Châu N, Trần Văn C, Nguyễn Văn Q1 và Trần Văn T1 đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền... trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng ...đã bị kết án về tội này...chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đều là những người trẻ tuổi có sức khỏe, đa số các bị cáo là người có trình độ hiểu biết về pháp luật nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, muốn kiếm tiền bằng con đường bất chính nên đã tham gia đánh bạc ăn tiền. Hành vi của các bị cáo không những đã xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục và nếp sống văn minh của địa phương, gây dư luận xấu, bức xúc trong quần chúng nhân dân mà còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó, cần thiết phải xử

phạt các bị cáo thật nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Mặc dù các bị cáo không ai có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự nhưng hành vi đánh bạc của các bị cáo là thể hiện sự coi thường pháp luật.

Đối với Đỗ Văn L: Quá trình điều tra và tại phiên tòa L khai nhận, khi cả bọn đến ngồi tại bàn uống nước nhà Q, L phát hiện thấy trên bàn uống nước có sẵn bộ bài tú lơ khơ, L cầm bộ bài lên trộn thì Q, T và Đ hiểu ý L gợi ý là đánh bạc nên tất cả đều thống nhất chơi liêng ăn tiền. Tại phiên tòa, Q, T và Đ cũng khai nhận, khi thấy L cầm bộ bài lên trộn thì tất cả đều hiểu ý là L rủ đánh bạc nên cả bọn đều thống nhất chơi liêng ăn tiền. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định lời khai của các bị cáo L, Q, T và Đ khai tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với diễn biến của vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định vai trò của L trong vụ án này là người khởi xướng, rủ rê lôi kéo người khác phạm tội nên L giữ vai trò đầu vụ và phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất.

Đối với Nguyễn Văn Q: Địa điểm để các đối tượng dùng đánh bạc là quán nước thuộc quyền quản lý của gia đình Q, tại thời điểm các đối tượng tham gia đánh bạc chỉ có mình Q ở nhà. Bản thân Q cũng tham gia đánh bạc cùng với T, L, M và Đ được một lúc thì nghỉ đánh và đi sang nhà bố mẹ đẻ ở gần đó để ăn cơm trưa. Khi bị Công an huyện Yên Lạc bắt quả tang số lượng các đối tượng tham gia đánh bạc trên 10 người, thu trên chiếu bạc số tiền trên 20.000.000 đồng nhưng xét thấy mục đích của Q cho các đối tượng đánh bạc tại quán nước nhà mình không phải để hưởng lợi hay thu tiền hồ, Q cũng không rủ rê lôi kéo hoặc bố trí người canh gác cho các đối tượng đánh bạc và Q không nhận cầm cố tài sản. Do vậy không đủ cơ sở để xử lý Q về tội “Tổ chức đánh bạc” hay “Gá bạc” theo quy định tại Điều 322 Bộ luật hình sự. Trong lúc đánh bạc do bị thua nên Q bỏ đi sang nhà bố mẹ đẻ ăn cơm không đánh nữa nhưng lại bỏ mặc cho các đối tượng tiếp tục đánh bạc tại nhà mình. Trong thời gian Q không có mặt ở quán M, Đ, G và N tự ý đến ngồi đánh sâm nên Q không biết các đối tượng ngồi đánh sâm từ khi nào. Đến khi quay lại quán, Q thấy các bị cáo M, Đ, G và N đang đánh sâm và bàn đánh liêng chưa giải tán nên Q cũng đã yêu cầu các đối tượng dừng lại không đánh bạc nữa nhưng hành động của Q không kiên quyết vẫn để cho các đối tượng tiếp tục đánh bạc cho nên Q phải chịu trách nhiệm là chủ nhà với vai trò đồng phạm giúp sức.

Đối với của Nguyễn Đức M, sau khi tham gia đánh bạc cùng với Q, L, T và Đ đến lúc Q1, T1, Đức A, C, G và N lần lượt đến quán nước của Q chơi thì M rủ Đ, rồi rủ N và G sang chơi sâm nên M là người khởi xướng rủ rê các đối tượng Đ, N và G đánh bạc, vì vậy M là người giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Ngoài ra, khi Đỗ Văn Đ và Nguyễn Đức M chơi liêng thì Đ bị thua khoảng 1.800.000 đồng, M bị thua khoảng 300.000 đồng. Số tiền còn lại Đ và M mang sang bàn đánh sâm để chơi tiếp. Hành vi đánh bạc của M và Đ diễn ra trong thời gian liên tục, tại cùng 01 địa điểm nên không xác định M và Đ đánh bạc nhiều lần.

Đối với Trần Viết G, sau khi được rủ rê thì đã tích cực tham gia đánh bạc từ khi được rủ rê cho đến khi bị bắt, số tiền tham gia đánh bạc nhiều nhất nên G giữ vai trò đồng phạm ở đứng ở vị trí sau M và Q.

Đối với Đỗ Văn T, Đỗ Văn Đ, Đỗ Đức A, Phan Châu N và Trần Văn C, sau khi được rủ rê, các bị cáo đã tích cực tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt nên các bị cáo này cùng giữ vai trò đồng phạm. Do bị cáo T và bị cáo Đức A có số tiền tham gia đánh bạc gần ngang nhau nên T và Đức A phải chịu mức hình phạt gần tương đương nhau. Các bị cáo Đ, N và bị cáo C cũng có số tiền tham gia đánh bạc gần tương đương nhau nên Đ, N và C phải chịu mức hình phạt gần như nhau.

Đối với Nguyễn Văn Q1 và Trần Văn T1 sau khi được rủ rê đánh bạc thì Q1 và T1 tích cực tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, số tiền tham gia đánh bạc ít nên vai trò của Q1 và T1 trong vụ án này là đồng phạm và phải chịu mức hình phạt nhẹ nhất so với các bị cáo khác.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng thấy rằng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Trần Viết G có bố là ông Trần Đức Q là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân huy chương nên G được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do các bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và riêng bị cáo G được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo là người có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, giao bị cáo cho chính

quyền địa phương nơi bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ giúp bị cáo cải tạo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Trong vụ án này đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Đức M, Nguyễn Văn Q, Trần Viết G, Đỗ Văn T, Đỗ Đức A, Phan Châu N và phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Văn Q1 và Trần Văn T1 là có căn cứ đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ, vai trò phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là đủ để răn đe phòng ngừa và giáo dục chung, cũng như tạo điều kiện giúp các bị cáo có cơ hội được cải tạo trở thành công dân có ích nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ mức hình phạt mà đề nghị của Viện kiểm sát đối với tất cả các bị cáo trên.

Tuy nhiên đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Đỗ Văn Đ và Trần Văn C là chưa đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm bởi bị cáo Đ tham gia đánh bạc rất tích cực từ đầu, còn bị cáo C vào đánh bạc sau Đ nhưng số tiền tham gia đánh bạc nhiều hơn so với bị cáo Q1 và bị cáo T1 nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với Đ và C, ấn định thời gian thử thách đối với Đ và C như vậy mới có tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn Q1 và Trần Văn T1 có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Q1 và T1.

Tại thời điểm các bị cáo đánh bạc có Trần Quốc Đ và Nguyễn Văn Đăng đang ở đó nhưng quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định, Trần Quốc Đ và Nguyễn Văn Đăng không tham gia đánh bạc hay giúp sức gì nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo tham gia đánh bạc với mục đích được thua bằng tiền nên ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Phạt mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định số tiền 47.925.000 đồng thu giữ trên 02 chiếu bạc đều là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu để sung quỹ Nhà nước. Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài Tulokho 52 quân cùng 02 tờ giấy trắng khổ A4, 01 bút bi, 01 bàn có khung chân

kim loại, 04 ghế nhựa màu xanh là công cụ mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc do không còn giá trị sử dụng.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của Phan Châu N, quá trình điều tra xác định, số tiền trên là tài sản hợp pháp của ông Phan Văn K bố bị cáo N nên cần trả lại cho ông K.

Riêng 01 tờ giấy A4 ghi các ký tự chữ và số là kết quả đánh sấm của các bị cáo đã chuyển theo hồ sơ vụ án nên không tiêu hủy.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Đức M, Nguyễn Văn Q, Trần Viết G, Đỗ Văn T, Đỗ Đức A, Đỗ Văn Đ, Phan Châu N, Trần Văn C, Nguyễn Văn Q1 và Trần Văn T1 phải chịu toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Đức M, Nguyễn Văn Q, Trần Viết G, Đỗ Văn T, Đỗ Đức A, Đỗ Văn Đ, Phan Châu N, Trần Văn C, Nguyễn Văn Q1 và Trần Văn T1 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Đỗ Văn L 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Nguyễn Đức M 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Nguyễn Văn Q 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Viết G 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Đỗ Văn T 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Đỗ Đức A 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Phan Châu N 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Đỗ Văn Đ 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Trần Văn C 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Đức M, Nguyễn Văn Q, Trần Viết G, Đỗ Văn T, Đỗ Đức A, Đỗ Văn Đ, Phan Châu N và Trần Văn C cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nơi các bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1, khoản 2 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Văn T1 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/01/2020 đến ngày 04/02/2020.

Xử phạt Nguyễn Văn Q1 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/01/2020 đến ngày 04/02/2020.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Trần Văn T1 và Nguyễn Văn Q1 được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Trần Văn T1 và Nguyễn Văn Q1 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nơi các bị cáo đang cư trú giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Trần Văn T1 và Nguyễn Văn Q1.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 điều 321 của Bộ luật hình sự phạt tiền đối với các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Đức M, Nguyễn Văn Q, Trần Viết G,

Đỗ Văn T, Đỗ Đức A, Đỗ Văn Đ, Phan Châu N, Trần Văn C, Nguyễn Văn Q1 và Trần Văn T1 mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu để sung quỹ Nhà nước số tiền 47.925.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) thu giữ trên 02 chiếc bạc. Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài Tulokho 52 quân cùng 02 tờ giấy trắng khổ A4, 01 bút bi, 01 bàn có khung chân kim loại, 04 ghế do không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho ông Phan Văn K 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Lạc và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc).

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Đức M, Nguyễn Văn Q, Trần Viết G, Đỗ Văn T, Đỗ Đức A, Đỗ Văn Đ, Phan Châu N, Trần Văn C, Nguyễn Văn Q1 và Trần Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- UBND xã P;
- Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS vụ án; bộ phận theo dõi THAHS;
- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh